TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **07** / 2022/QĐST- DS	*Thanh Ba, ngày* 30 *tháng* 9 *năm* 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1. **Vợ chồng anh Hoàng Ngọc H**, sinh năm 1983

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 4, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

2. **Vợ chồng anh Trần Văn T**, sinh năm 1986

Chị Trần Thị K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 1, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người được ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 4, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Vợ chồng ông Trần Quang S**, sinh năm 1955

Bà Đinh Thị T, sinh năm 1957

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Trần Quang S**, sinh năm 1955

Địa chỉ: Khu 1, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. **Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Đất của gia đình anh T - chị K, anh H - chị V (nhận chuyển nhượng từ ông bà Sỹ N) có diện tích 90m2 theo chỉ giới (1,2,3,4,5,6,1) có các cạnh như sau: Phía bắc giáp đất gia đình ông S, bà T dài 5m; Phía nam giáp đường giao thông dài 5m; Phía đông giáp đất nhà anh Q - Q dài 18m; Phía tây giáp đất của ông bà S T dài 18m. Trong đó có 10m2 đất theo chỉ giới (1,2,5,6,1) nằm trong hành lang giao thông - hạn chế quyền sử dụng đất.

- Về án phí: Các nguyên đơn phải nộp 1.237.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Kỷ phần: Vợ chồng anh Hoàng Ngọc H, chị Nguyễn Thị V nộp 617.500đ án phí; Vợ chồng anh Trần Văn T, chị Trần Thị K nộp 617.500đ án phí;. Xác nhận chị Nguyễn Thị V đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí. Vợ chồng chị V, anh H còn phải nộp tiếp 317.500đ án phí.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Quang S.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện, tỉnh
- Thi hành án DS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lệ Thanh